

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP GIÚP SINH VIÊN HOÀN THÀNH TỐT BÀI THI NÓI TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ VIỆT NAM

Lê Thị Diệu Nga, Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản  
 Trường Đại học Tiền Giang  
 Email: dieungatg7@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trở thành một yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến sự nghiệp và cuộc sống của mỗi người. Bài thi nói tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam không chỉ là yêu cầu của nhiều cơ sở giáo dục mà còn là tiêu chí đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc hoàn thành bài thi này một cách tốt nhất. Bài viết này sẽ phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp giúp sinh viên vượt qua những trở ngại để đạt được kết quả cao nhất trong bài thi.

**Từ khóa:** Thực trạng, giải pháp, hoàn thành, bài thi nói tiếng Anh, khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.  
 Nhận bài: 09/01/2026; Biên tập: 12/01/2026; Phản biện: 19/01/2026; Duyệt đăng: 26/01/2026.

## 1. Mở bài

Hiện nay tại Việt Nam, chuẩn năng lực ngoại ngữ được đánh giá dựa trên các bài thi quốc tế và các bài thi trong nước, được đối sánh với hai khung phổ biến là Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung châu Âu và Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung châu Âu cho việc học, dạy và đánh giá (Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment viết tắt là CEFR hoặc CEF) được tổng hợp bởi Hội đồng châu Âu, nằm trong dự án “Học ngôn ngữ cho công dân châu Âu” từ năm 1989 đến 1996 với mục đích ban đầu là xây dựng một bộ quy tắc mô tả và đánh giá trình độ ngôn ngữ của các học viên học tiếng nước ngoài tại châu Âu. Ngày nay, hệ thống này được sử dụng trên toàn thế giới, rất nhiều quốc gia lựa chọn khung tham chiếu này để đánh giá chất lượng đào tạo ngôn ngữ trong đó có Việt Nam. VSTEP là viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Vietnamese Standardized Test of English Proficiency” nghĩa là “Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc dành cho Việt Nam (từ bậc 1 đến bậc 6) tương đương với trình độ A1 đến C2 của Khung CEFR. Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được phát triển trên cơ sở ứng dụng Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) và một số khung trình độ tiếng Anh ở các nước nhằm kiểm tra đánh giá tất cả các kỹ năng tiếng Anh gồm: Nghe, Nói, Đọc và Viết.

Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trở thành một yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến sự nghiệp và cuộc sống của mỗi người. Bài thi nói tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam không chỉ là yêu cầu của nhiều cơ sở giáo dục mà còn là tiêu chí đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc hoàn thành bài thi này một cách tốt nhất. Bài viết này sẽ phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp giúp sinh

viên vượt qua những trở ngại để đạt được kết quả cao nhất trong bài thi.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng sinh viên thi nói tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam

#### 2.1.1. Khó khăn chung của sinh viên

Một trong những vấn đề lớn nhất mà sinh viên gặp phải là thiếu tự tin khi nói tiếng Anh. Nhiều sinh viên thường cảm thấy áp lực khi phải nói trước giám khảo, dẫn đến những lỗi phát âm và ngữ điệu không chính xác. Hơn nữa, việc hạn chế về từ vựng và ngữ pháp cũng khiến họ không thể diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng và mạch lạc.

Nhiều sinh viên có xu hướng ngại giao tiếp và thường chọn cách im lặng thay vì cố gắng nói. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến điểm số mà còn cản trở sự phát triển của kỹ năng giao tiếp trong tương lai. Nhiều sinh viên cho rằng họ không thể nói tốt vì chưa quen với việc sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thực tế.

Thực trạng này càng trở nên nghiêm trọng hơn khi sinh viên phải đối mặt với áp lực thời gian trong bài thi. Việc phải suy nghĩ và trả lời nhanh chóng trong một khoảng thời gian ngắn khiến họ dễ bị lúng túng, dẫn đến việc không thể hiện được khả năng thật sự của mình.

Theo thống kê của nhiều trung tâm khảo thí và trường đại học, tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn kỹ năng nói ở bậc 3 trở lên chỉ chiếm khoảng 55 - 60%. Số lượng sinh viên đạt bậc 4 - 5 còn hạn chế, đặc biệt ở nhóm không chuyên ngữ.

Các lỗi thường gặp gồm: Phát âm không chuẩn, thiếu ngữ điệu và trọng âm; Sử dụng từ vựng nghèo nàn, cấu trúc đơn giản; Gặp khó khăn trong diễn đạt ý tưởng dài hoặc phản ứng tình huống; Tâm lý căng thẳng, thiếu tự tin khi giao tiếp với giám khảo.

#### 2.1.2. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế

Kết quả khảo sát từ nhiều kỳ thi tiếng Anh theo

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam cho thấy hạn chế trong kỹ năng nói của sinh viên xuất phát từ bốn nhóm nguyên nhân chính.

*Thứ nhất*, từ phía người học.

Nhiều sinh viên thiếu môi trường giao tiếp thực tế, chủ yếu sử dụng tiếng Anh trong lớp học, ít cơ hội tiếp xúc với người bản ngữ. Tâm lý e ngại, sợ sai khiến họ hạn chế thực hành. Thói quen học lệch về ngữ pháp, từ vựng phục vụ đọc - viết làm giảm khả năng phản xạ giao tiếp. Bên cạnh đó, người học thiếu chiến lược luyện nói hiệu quả và chưa nắm rõ tiêu chí đánh giá như độ trôi chảy, mạch lạc, từ vựng, phát âm và ngữ pháp.

*Thứ hai*, từ phía nhà trường và chương trình đào tạo.

Ở nhiều cơ sở đào tạo, chương trình vẫn nặng lý thuyết, thời lượng luyện nói hạn chế, phương pháp giảng dạy thiếu tính tương tác. Hoạt động thảo luận, mô phỏng tình huống giao tiếp chưa được chú trọng. Việc đánh giá kỹ năng nói chủ yếu diễn ra vào cuối kỳ, thiếu quá trình phản hồi thường xuyên để điều chỉnh kịp thời.

*Thứ ba*, từ hệ thống đánh giá và tài liệu ôn luyện.

Tiêu chí chấm điểm chưa được phổ biến rộng rãi, khiến người học luyện tập sai trọng tâm. Một số nơi thiếu ngân hàng đề thi và tài liệu mô phỏng chuẩn, công tác hướng dẫn luyện thi còn thiên về luyện đề, thiếu rèn luyện giao tiếp tự nhiên.

*Thứ tư*, từ yếu tố tâm lý - xã hội và công nghệ.

Một bộ phận người học thiếu động lực, chịu ảnh hưởng âm vị tiếng mẹ đẻ và chưa khai thác hiệu quả các công cụ công nghệ hỗ trợ luyện nói.

Như vậy, hạn chế kỹ năng nói là kết quả của hệ sinh thái dạy - học - đánh giá chưa đồng bộ, đòi hỏi giải pháp tổng thể về phương pháp, đánh giá và môi trường thực hành.

**2.2. Giải pháp giúp sinh viên hoàn thành tốt bài thi Nói tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam**

**2.2.1. Tăng cường rèn luyện năng lực giao tiếp thực hành**

Đây là giải pháp nền tảng giúp người học hình thành phản xạ giao tiếp, tự tin trong diễn đạt và sử dụng tiếng Anh như một công cụ tương tác thực tế. Mục tiêu của giải pháp này nhằm phát triển năng lực nói tự nhiên, lưu loát, chính xác, đáp ứng yêu cầu giao tiếp ở từng bậc năng lực (từ bậc 2 đến bậc 6) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Nội dung của giải pháp này bao gồm: Tổ chức các hoạt động học tập thực hành, thảo luận nhóm, đóng vai (role-play), thuyết trình, phỏng vấn mô phỏng. Xây dựng môi trường "English-speaking zone" tại trường học, khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày. Đa dạng hóa hình thức học tập: lớp học đảo ngược (flipped class), học qua dự án, học qua tình huống.

Cách thức tổ chức thực hiện: Nhà trường thành

lập câu lạc bộ tiếng Anh học thuật (English Speaking Club) do giảng viên và sinh viên đồng điều hành. Giảng viên định kỳ tổ chức "Speaking Day" hoặc "Mini Speaking Contest" để rèn luyện phản xạ và giảm áp lực thi nói. Kết hợp giữa sinh viên chuyên ngữ và không chuyên trong hoạt động giao tiếp để tạo môi trường tương hỗ.

Để cải thiện kỹ năng nói, việc tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh là rất cần thiết. Các câu lạc bộ này không chỉ giúp sinh viên có cơ hội giao tiếp với nhau mà còn tạo ra một môi trường thân thiện, nơi họ có thể thoải mái thực hành. Thí sinh có thể tham gia các hoạt động như thảo luận nhóm, trò chuyện với nhau về các chủ đề khác nhau để nâng cao khả năng diễn đạt.

Ngoài ra, khuyến khích sinh viên giao tiếp với người bản ngữ hoặc giáo viên có thể giúp họ cải thiện kỹ năng ngôn ngữ nhanh chóng. Việc tham gia các chương trình trao đổi văn hóa hoặc các buổi giao lưu với người nước ngoài cũng là một cách hữu hiệu để nâng cao khả năng giao tiếp và làm quen với ngữ điệu tự nhiên của tiếng Anh.

Sử dụng công nghệ để luyện tập cũng là một giải pháp hiệu quả. Các ứng dụng di động và trang web học tiếng Anh hiện nay cung cấp nhiều bài tập và hoạt động tương tác giúp sinh viên luyện tập kỹ năng nói một cách chủ động. Thí sinh có thể ghi âm và so sánh giọng nói của mình với người bản ngữ, từ đó điều chỉnh cách phát âm và ngữ điệu.

**2.2.2. Cải thiện kỹ năng nghe và vốn từ vựng của sinh viên**

Kỹ năng nghe và vốn từ vựng là hai thành phần nền tảng quyết định chất lượng giao tiếp và hiệu quả nói tiếng Anh. Người học nghe tốt sẽ hiểu nhanh câu hỏi, bắt kịp nhịp hội thoại, từ đó phản xạ nói tự nhiên hơn. Trong khi đó, từ vựng phong phú giúp người nói diễn đạt ý tưởng chính xác, linh hoạt, tránh lặp lại và đạt tiêu chí cao về lexical resource trong bài thi nói. Vì vậy, cải thiện kỹ năng nghe và từ vựng đóng vai trò hỗ trợ trực tiếp giúp sinh viên tăng khả năng phản ứng ngôn ngữ trong giao tiếp; Nâng cao độ tự tin khi diễn đạt; Cải thiện tính tự nhiên, mạch lạc và đa dạng trong phần thi nói.

Mục tiêu của giải pháp này nhằm phát triển kỹ năng nghe hiểu, giúp sinh viên nắm được ý chính, chi tiết và thái độ người nói trong hội thoại, qua đó hiểu đúng câu hỏi của giám khảo và phản hồi phù hợp. Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ vựng, giúp sinh viên có thể sử dụng linh hoạt từ vựng theo chủ đề (topic-based vocabulary) trong bài thi nói, đặc biệt ở các chủ đề như education, environment, technology, work, culture. Tăng cường năng lực phản xạ và khả năng diễn đạt tự nhiên, giúp người học nói trôi chảy, sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp ngữ cảnh.

Nội dung của giải pháp này gồm:

*Một là*, rèn luyện kỹ năng nghe. Nghe theo cấp

độ. Bắt đầu từ các đoạn hội thoại ngắn (A2 - B1) đến các bài phỏng vấn, thảo luận, bản tin (B2 - C1). Phân tích chiến lược nghe. Hướng dẫn kỹ thuật nghe ý chính (listening for gist), nghe chi tiết (listening for details), đoán nghĩa qua ngữ cảnh. Tích hợp nghe - nói. Sau mỗi bài nghe, sinh viên thực hành mô phỏng hoặc tóm tắt nội dung bằng lời nói.

*Hai là*, phát triển từ vựng. Học từ vựng theo chủ đề và tình huống giao tiếp. Ví dụ: giới thiệu bản thân, sở thích, nghề nghiệp, vấn đề xã hội, xu hướng công nghệ. Xây dựng sổ tay từ vựng cá nhân (Personal Vocabulary Journal). Ghi chép, phân loại theo nhóm từ (collocations, idioms, phrasal verbs). Rèn luyện sử dụng từ trong ngữ cảnh nói. Thực hành diễn đạt câu bằng từ mới, so sánh các cách nói tương đương (synonyms -paraphrasing).

Cách thức tổ chức thực hiện: Ở cấp độ cá nhân sinh viên. Dành ít nhất 20 - 30 phút mỗi ngày luyện nghe tiếng Anh qua podcast, bản tin, TED Talks hoặc video ngắn trên BBC Learning English, VOA, YouTube English Speaking Practice. Sử dụng ứng dụng Quizlet, Anki, Memrise để ôn tập và ghi nhớ từ vựng theo phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition System). Tự ghi âm bài nói, đối chiếu cách dùng từ và phát âm với mẫu chuẩn.

Ở cấp độ lớp học và nhà trường. Giảng viên tổ chức tiết học "Integrated Skills" kết hợp nghe - nói - từ vựng, thay vì tách rời từng kỹ năng. Xây dựng ngân hàng bài nghe và bộ từ vựng chuẩn hóa cho từng bậc năng lực (bậc 2 đến bậc 6). Tổ chức cuộc thi "Listening & Speaking Challenge" hằng học kỳ, khuyến khích sinh viên luyện nghe - nói qua chủ đề thực tiễn. Phát triển thư viện số tiếng Anh (Digital English Library) chứa tài liệu nghe, video, podcast và bảng từ vựng chủ đề.

Ở cấp độ quản lý và hỗ trợ. Nhà trường đầu tư phòng Lab nghe - nói, trang bị tai nghe, micro, phần mềm chấm phát âm tự động. Khuyến khích sinh viên sử dụng nền tảng học trực tuyến có phản hồi AI, ví dụ: ELSA Speak, Speakly, BBC Learning English. Tổ chức định kỳ workshop chuyên đề "Build Your Vocabulary & Listening Skills for Speaking Tests" với sự tham gia của giảng viên bản ngữ hoặc chuyên gia khảo thí.

Việc sử dụng tài liệu học tập phong phú cũng rất quan trọng. Thí sinh nên tìm hiểu và tiếp cận với các tài liệu đa dạng như sách, video và bài hát tiếng Anh. Xem phim và nghe nhạc tiếng Anh không chỉ giúp cải thiện ngữ âm mà còn giúp sinh viên làm quen với ngữ điệu và cách diễn đạt tự nhiên. Đặc biệt, việc nghe các chương trình phát thanh hoặc podcast tiếng Anh sẽ giúp sinh viên nâng cao khả năng nghe hiểu và phản xạ khi giao tiếp.

Xây dựng một bộ từ vựng cá nhân cũng rất cần thiết. Thí sinh nên ghi chú các từ mới và cụm từ hữu ích vào sổ tay và thường xuyên ôn tập để có thể sử dụng linh hoạt trong các tình huống giao

tiếp thực tế. Một phương pháp hiệu quả là sử dụng flashcards, giúp sinh viên ghi nhớ từ vựng một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Bên cạnh đó, việc tham gia các trò chơi từ vựng và bài tập tương tác cũng sẽ giúp sinh viên học từ vựng một cách thú vị hơn. Các ứng dụng học từ vựng hiện nay thường có những trò chơi và bài kiểm tra giúp sinh viên tăng cường khả năng ghi nhớ và ứng dụng từ vựng trong giao tiếp.

### 2.2.3. Chuẩn hóa chương trình luyện thi nói theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

Đây là cơ sở định hướng nội dung giảng dạy và luyện thi, giúp người học biết rõ yêu cầu năng lực, tiêu chí chấm điểm và chuẩn đầu ra. Mục tiêu của giải pháp này nhằm đảm bảo quá trình ôn luyện kỹ năng nói thống nhất với yêu cầu của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, tăng tính minh bạch, công bằng trong đánh giá và nâng cao chất lượng kiểm định.

Nội dung của giải pháp này bao gồm: Xây dựng chương trình luyện nói theo bậc năng lực (bậc 2 - 6), mô tả cụ thể năng lực cần đạt về từ vựng, ngữ pháp, độ trôi chảy và tính tương tác. Biên soạn ngân hàng đề thi và bài mẫu (sample answers) cho từng chủ đề: cá nhân, xã hội, nghề nghiệp, học thuật. Thiết lập bảng tiêu chí đánh giá nói (Speaking Assessment Rubric) rõ ràng, công bố công khai để sinh viên tự đối chiếu.

Cách thức tổ chức thực hiện: Bộ môn hoặc trung tâm ngoại ngữ xây dựng bộ giáo trình luyện thi nói chuẩn hóa dựa trên format đề thi hiện hành. Giảng viên hướng dẫn học viên tự đánh giá theo tiêu chí, đồng thời cung cấp phản hồi cá nhân hóa (individual feedback). Định kỳ tổ chức đánh giá thử nội bộ (mock speaking test) để giúp sinh viên quen với quy trình thi thật.

### 2.2.4. Ứng dụng công nghệ trong rèn luyện kỹ năng nói

Đây là công cụ hỗ trợ hiện đại giúp người học chủ động luyện tập, nhận phản hồi tức thời và học mọi lúc, mọi nơi; đồng thời góp phần số hóa hoạt động học ngoại ngữ theo tinh thần chuyển đổi số giáo dục. Mục tiêu của giải pháp này nhằm nâng cao chất lượng tự học và khả năng phản xạ nói tiếng Anh, thông qua việc ứng dụng các nền tảng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và phần mềm luyện phát âm, hội thoại.

Nội dung của giải pháp này bao gồm: Sử dụng các ứng dụng như ELSA Speak, Duolingo English Test, YouGlish, ChatGPT Conversation Practice để luyện phát âm, ngữ điệu và phản xạ. Tích hợp hệ thống phản hồi tự động (AI Feedback) để người học biết lỗi sai và cách cải thiện. Tổ chức thi nói trực tuyến mô phỏng theo định dạng thật của KNLNNVN.

Cách thức tổ chức thực hiện: Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng công cụ AI luyện nói hằng ngày (5 - 10 phút/lần). Nhà trường thiết lập phòng học thông minh (Smart Speaking Lab) với trang thiết

bị ghi âm, chấm điểm tự động. Kết nối hoạt động trực tuyến - ngoại tuyến (blended learning), đảm bảo quá trình học liên tục và có dữ liệu đánh giá.

### 2.2.5. Phát triển đội ngũ giảng viên hướng dẫn kỹ năng nói

Đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo. Giảng viên có năng lực chuyên môn và phương pháp hiện đại sẽ tạo động lực và niềm tin cho người học. Giáo viên và trung tâm đào tạo đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên. Cung cấp phản hồi chi tiết sau mỗi bài thi thử sẽ giúp sinh viên nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của bản thân. Hơn nữa, tư vấn phương pháp học hiệu quả sẽ giúp sinh viên có kế hoạch ôn tập hợp lý và đạt kết quả cao trong kỳ thi. Mục tiêu của giải pháp này nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm và khả năng đánh giá chuẩn hóa kỹ năng nói tiếng Anh của giảng viên, phù hợp chuẩn quốc gia và quốc tế (KNLNNVN - CEFR).

Nội dung của giải pháp này bao gồm: Bồi dưỡng giảng viên về phương pháp dạy học phát triển năng lực giao tiếp (Communicative Approach, Task-based Learning). Tập huấn kỹ năng đánh giá theo tiêu chí nói và phản hồi xây dựng (constructive feedback). Thành lập cộng đồng học tập chuyên môn (Professional Learning Community - PLC) để chia sẻ kinh nghiệm dạy nói.

Cách thức tổ chức thực hiện: Mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức chuyên đề tập huấn hoặc hội thảo nội bộ về giảng dạy kỹ năng nói. Khuyến khích giảng viên tham gia khóa bồi dưỡng quốc tế hoặc các chương trình hợp tác với trường đại học nước ngoài. Gắn tiêu chí phát triển năng lực dạy kỹ năng nói vào đánh giá, khen thưởng giảng viên.

### 2.2.6. Bồi dưỡng tâm lý và kỹ năng thi cho sinh viên

Tâm lý tự tin là một yếu tố quan trọng trong việc thi nói. Đây là giải pháp giúp người học vượt qua rào cản tâm lý, tự tin thể hiện năng lực thật trong bài thi nói; đồng thời hình thành phong cách giao tiếp chuyên nghiệp, bình tĩnh, linh hoạt. Mục tiêu của giải pháp này nhằm giảm căng thẳng, lo lắng trong kỳ thi; rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc, sử dụng ngôn ngữ tự nhiên và chiến lược giao tiếp hiệu quả.

Nội dung của giải pháp này bao gồm: Tổ chức các buổi hội thảo (workshop) về kỹ năng làm bài thi nói, cách mở đầu, duy trì và kết thúc cuộc hội thoại. Hướng dẫn chiến lược quản lý thời gian, xử lý khi quên từ hoặc gặp câu hỏi khó. Thực hiện các bài thi thử có giám khảo mô phỏng để luyện tâm lý.

Cách thức tổ chức thực hiện: Giảng viên và trung tâm ngoại ngữ phối hợp tổ chức “Mock Speaking Test Week” cho sinh viên trước kỳ thi thật. Mời chuyên gia, cựu sinh viên đạt điểm cao chia sẻ kinh nghiệm thi. Tư vấn cá nhân hoặc nhóm nhỏ về kiểm soát tâm lý thi cử và kỹ năng ứng phó linh hoạt.

Thí sinh có thể tập luyện trước gương để quan sát

cách phát âm và biểu cảm khuôn mặt của mình. Ghi âm lại phần nói của bản thân cũng là một cách hiệu quả để tự đánh giá và cải thiện. Tham gia các khóa học kỹ năng mềm cũng sẽ giúp sinh viên tăng cường khả năng giao tiếp và giảm bớt lo lắng trước khi thi.

Thực hiện các bài tập giảm stress cũng là một cách hữu hiệu để giúp sinh viên cảm thấy thoải mái hơn. Các bài tập thở, thiền hoặc yoga có thể giúp sinh viên kiểm soát cảm xúc và giảm bớt áp lực trong quá trình thi.

Ngoài ra, việc tham gia các hoạt động ngoại khóa như diễn thuyết, tọa đàm hay các buổi trình bày cũng là những cơ hội tốt giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nói trước đám đông. Những hoạt động này không chỉ giúp nâng cao khả năng diễn đạt mà còn tạo ra môi trường thực tế để sinh viên thực hành. Việc có cơ hội trình bày ý tưởng trước nhóm bạn sẽ giúp sinh viên tự tin hơn khi đứng trước giám khảo trong kỳ thi.

### 2.2.7. Tạo động lực học tập cho sinh viên trong rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh

Động lực học tập là yếu tố then chốt quyết định mức độ tham gia, nỗ lực và sự kiên trì của người học trong quá trình rèn luyện kỹ năng nói. Nhiều nghiên cứu về ngôn ngữ học ứng dụng chỉ ra rằng người học có động lực cao sẽ tự giác, sáng tạo và bền bỉ hơn, đặc biệt trong môi trường học ngoại ngữ đòi hỏi sự chủ động và phản xạ. Đối với bài thi nói theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, động lực mạnh mẽ giúp sinh viên tự tin vượt qua rào cản tâm lý, chủ động giao tiếp. Duy trì thói quen luyện nói, mở rộng từ vựng và kỹ năng giao tiếp. Hướng tới việc học tiếng Anh vì mục tiêu nghề nghiệp và hội nhập, chứ không chỉ để “qua môn”.

Mục tiêu của giải pháp này nhằm khơi dậy niềm hứng thú và ý thức tự thân trong việc học tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng nói. Giúp sinh viên xác định mục tiêu học tập rõ ràng, gắn với nhu cầu thực tiễn như nghề nghiệp, học tập quốc tế, hoặc du học. Hình thành thói quen học tập tích cực, tự chủ và kiên trì, góp phần nâng cao năng lực nói và kết quả thi theo chuẩn KNLNNVN.

Nội dung của giải pháp: Bồi dưỡng nhận thức và định hướng mục tiêu học tập. Tổ chức các buổi chia sẻ, định hướng nghề nghiệp bằng tiếng Anh, giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của ngoại ngữ trong công việc tương lai. Lồng ghép nội dung giáo dục ý nghĩa học tiếng Anh trong các buổi đầu khóa, tạo nền tảng tư tưởng tích cực.

Tạo môi trường học tập truyền cảm hứng. Xây dựng môi trường học thân thiện, khuyến khích thử thách và sáng tạo (không sợ sai, được phản hồi tích cực). Mời diễn giả, cựu sinh viên đạt chuẩn tiếng Anh cao chia sẻ kinh nghiệm học và thi nói thành công. Tổ chức các hoạt động học tập vui - học mà chơi, như “English Speaking Week”, “English Talent Show”, “English Movie Night”.

Đa dạng hóa hình thức khen thưởng và đánh giá. Áp dụng hệ thống điểm thưởng khuyến khích cho sinh viên tích cực tham gia phát biểu, hoạt động nhóm, thuyết trình. Khen thưởng sinh viên đạt tiến bộ rõ rệt trong phát âm, từ vựng, hoặc tự tin giao tiếp. Công khai bảng xếp hạng học tập (Leaderboard) để thúc đẩy tinh thần thi đua lành mạnh.

Ứng dụng công nghệ để duy trì động lực. Sử dụng các nền tảng học trực tuyến có cơ chế gamification (trò chơi hóa) như Duolingo, Kahoot!, Quizlet để tạo hứng thú. Tổ chức thử thách luyện nói 7 ngày - 30 ngày trên các nhóm học tập trực tuyến (Facebook, Zalo, Moodle). Khuyến khích sinh viên ghi hình nhật ký luyện nói (Video Speaking Diary) và chia sẻ kết quả hằng tuần.

Cách thức tổ chức thực hiện: Ở cấp độ cá nhân sinh viên. Xác định mục tiêu học tập ngắn hạn và dài hạn (ví dụ: đạt bậc 4 KNLNNVN trong 6 tháng). Thiết lập kế hoạch học tập cá nhân (Learning Plan) gồm các hoạt động cụ thể: luyện nói, nghe, ghi âm, phản hồi. Tự theo dõi tiến độ qua biểu đồ tự đánh giá năng lực (Self-assessment chart).

Ở cấp độ lớp học và giảng viên. Giảng viên sử dụng phương pháp dạy học tích cực (Active Learning), tăng tương tác và giảm tính áp đặt. Tổ chức các cuộc thi nói nhỏ (mini speaking contests) trong lớp, tạo cơ hội thể hiện và cổ vũ tinh thần đồng đội. Kết hợp đánh giá động viên (motivational assessment), phản hồi tích cực, chỉ rõ tiến bộ thay vì chỉ chấm điểm lỗi.

Ở cấp độ nhà trường và đơn vị quản lý. Tổ chức chương trình “Inspiring English Learning” với khẩu hiệu khích lệ như “Speak to Grow”, “Your Voice, Your Future”. Thành lập Quỹ học bổng tiếng Anh cho sinh viên đạt chuẩn KNLNNVN hoặc có tiến bộ vượt bậc. Đưa tiêu chí năng lực tiếng Anh và thái độ học tập tích cực vào xét thi đua, khen thưởng cuối năm.

Để giúp sinh viên duy trì động lực học tập, các giáo viên và trung tâm có thể tổ chức các cuộc thi nhỏ hoặc các hoạt động thưởng cho những sinh viên có tiến bộ rõ rệt. Những phần thưởng này không nhất thiết phải lớn, nhưng sẽ khích lệ sinh viên cố gắng hơn trong việc học tập và luyện tập.

Các trung tâm cũng nên tổ chức các buổi thi thử định kỳ để sinh viên quen với không khí thi cử và cách thức làm bài. Đây là cơ hội để sinh viên trải nghiệm và cải thiện kỹ năng của mình trong điều kiện thực tế nhất. Việc tổ chức các buổi thi thử trong một môi trường giống như thi thật sẽ giúp sinh viên giảm bớt lo lắng và cải thiện khả năng ứng phó với áp lực.

Hơn nữa, việc tạo ra một không gian học tập tích cực, nơi mà sinh viên cảm thấy thoải mái và được khuyến khích sẽ giúp họ tự tin hơn trong việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Những buổi giao lưu, hoạt động ngoại khóa thường xuyên sẽ tạo ra sự gắn kết giữa sinh viên và giáo viên, đồng thời xây dựng một cộng đồng học tập mạnh mẽ.

### 3. Kết luận

Việc thi nói tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam là một thách thức lớn đối với nhiều sinh viên. Tuy nhiên, với những giải pháp phù hợp như tăng cường luyện tập nói, cải thiện kỹ năng nghe và từ vựng, phát triển tâm lý tự tin và nhận được sự hỗ trợ từ giáo viên, sinh viên hoàn toàn có thể vượt qua những khó khăn này. Sự nỗ lực và chuẩn bị kỹ lưỡng sẽ là chìa khóa giúp sinh viên đạt được thành công trong bài thi nói tiếng Anh.

Để có thể giao tiếp hiệu quả và tự tin trong môi trường quốc tế, việc cải thiện kỹ năng nói không chỉ giúp sinh viên vượt qua kỳ thi mà còn mở ra nhiều cơ hội trong tương lai. Việc đầu tư thời gian và công sức vào việc học tập và luyện tập sẽ mang lại những kết quả xứng đáng, giúp sinh viên tự tin bước vào môi trường toàn cầu.

Trong thế giới ngày càng kết nối, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh không chỉ là một yêu cầu mà còn là một lợi thế cạnh tranh. Việc chuẩn bị kỹ lưỡng cho bài thi nói tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam sẽ không chỉ giúp sinh viên đạt được điểm số cao mà còn trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết để thành công trong tương lai ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.
- [2]. Đặng Thành Hưng (2012). *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*. Tạp chí Quản lý Giáo dục, (43), tháng 12.2012.
- [3]. Garrett Smith (2018). *Teaching Speaking in Non-Academic Contexts*.

### Current situation and solutions to help the students do the English speaking test well according to the Vietnamese Foreign Language Proficiency Framework

Le Thi Dieu Nga

Faculty of Education and Basic Sciences, Tien Giang University  
Email: dieungatg7@gmail.com.

**Abstract:** In the current era of globalization, the ability to communicate in English has become an important factor, affecting the career and life of each person. The English speaking test according to the Vietnamese Foreign Language Proficiency Framework is not only a requirement of many educational institutions but also a criterion for assessing students foreign language proficiency. However, many students still have difficulty completing this test in the best way. This article will analyze the current situation and propose solutions to help students overcome obstacles to achieve the highest results in the test.

**Keywords:** Current situation, solutions, completion, English speaking test, Vietnamese Foreign Language Proficiency Framework.